

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2025.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thị Hải Đường;
- Ông Nguyễn Thanh Phiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Ngọc K, sinh năm 1993; địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố A, Thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Văn S (Trần Văn S1), sinh năm 1986; địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố A, Thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-01-2025 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc K trình bày:

Chị và anh Trần Văn S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. C sống đến năm

2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh S thường xuyên uống rượu về chửi mắng, đánh đập chị, bỏ bê các con không lo lắng phụ giúp chị, chị và anh S sống ly thân đến nay 03 năm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Bảo T, sinh ngày 21-7-2014 và Trần Đình T1, sinh ngày 10-4-2017, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn S trình bày:

Anh thống nhất về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như chị K trình bày. Về mâu thuẫn, anh thừa nhận thỉnh thoảng anh có đi nhậu về nhà trể thì anh và chị K có cãi vã nhau, nhưng không có bạo lực gia đình. Chị K yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, con nên muốn tiếp tục chung sống để nuôi dạy con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Bảo T, sinh ngày 21-7-2014 và Trần Đình T1, sinh ngày 10-4-2017. Con có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Ngọc K, giao 02 con chung cho chị K nuôi dưỡng, ghi nhận chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh S đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh S. Anh S phải chịu hậu quả của việc không giao

nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 91, Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị K và anh S tự nguyện chung sống vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh S có uống rượu về trễ nên vợ chồng xảy ra gây gổ, cãi vã, vợ chồng sống ly thân đến nay 03 năm tuy nhiên hai bên không có giải pháp để đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân giữa chị K và anh S mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Bảo T, sinh ngày 21-7-2014 và Trần Đình T1, sinh ngày 10-4-2017. Chị K, anh S đồng ý theo nguyện vọng của các con; xét nguyện vọng của cháu T và cháu T1 có nguyện vọng được sống cùng chị K, do đó giao con cho chị K tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Ngọc K đối với anh Trần Văn S về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

Chị Huỳnh Ngọc K và anh Trần Văn S (Trần Văn S1) không còn quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Bảo T, sinh ngày 21-7-2014

và Trần Đình T1, sinh ngày 10-4-2017. Giao chị K tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Trần Bảo T và Trần Đình T1. Ghi nhận chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Huỳnh Ngọc K phải chịu 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp theo biên lai thu số 0008493 ngày 21-01-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. (đã nộp đủ)

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại trụ sở Tòa án, Ủy ban nhân dân xã (phường), nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thơ